

Số: 125/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa nghệ thuật
tỉnh Đắk Nông đến năm 2015, định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg ngày 10/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua Đề án tổng thể phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật tỉnh Đắk Nông từ năm 2012 đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 274/TTr-SVHTTDL ngày 21/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa nghệ thuật tỉnh Đắk Nông đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm quy hoạch:

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế hoạt động văn hóa nghệ thuật từ cấp tỉnh đến cấp xã, thôn, bon, buôn; phát triển đồng bộ, nâng cao chất lượng những loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu nâng cao nhận thức, tiếp nhận tri thức mới, thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa nghệ thuật, vui chơi giải trí.

- Kết hợp với sự đầu tư từ nhà nước với mở rộng xã hội hóa các hoạt động dịch vụ văn hóa. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng các thiết chế văn hóa và tổ chức có hiệu quả các hoạt động văn hóa lành mạnh, tạo điều kiện cho mọi người dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa được hưởng thụ văn hóa nghệ thuật.

2. Mục tiêu:

“Làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người và từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”.

Mục tiêu trọng tâm đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 là:

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa; không ngừng cải thiện cơ sở vật chất và đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống thiết chế văn hóa; tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh và phong phú, sản phẩm văn hóa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đi đôi với sáng tạo các giá trị văn hóa mới trên các phương diện văn hóa chuyên nghiệp và văn hóa quần chúng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ làm công tác sáng tác, biểu diễn, nghệ nhân có trình độ chuyên môn cao trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa.

- Đảm bảo sự phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật đồng bộ liên tục, mang tính hiện đại và toàn diện, đưa sự nghiệp văn hóa Đắk Nông ngày càng phát triển mạnh mẽ, phong phú, đa dạng và sâu sắc.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản:

3.1. Chỉ tiêu phát triển sự nghiệp văn hóa và mức hưởng thụ của nhân dân.

| Số người tham gia hoạt động văn hóa | Thực hiện đến năm | |
|--|-------------------|------|
| | 2015 | 2020 |
| Lượt người đến tham quan bảo tàng (lượt người/năm) | 0,2 | 0,3 |
| Lượt người tham quan di tích, danh thắng | 4 | 6 |

| Số người tham gia hoạt động văn hóa | Thực hiện đến năm | |
|--|-------------------|------|
| | 2015 | 2020 |
| Lượt người xem biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp | 1,0 | 1,2 |
| Lượt người xem biểu diễn nghệ thuật không chuyên | 6 | 8 |
| Lượt người xem phim tại rạp | 0,05 | 0,1 |
| Số băng, đĩa hình/người | 7 | 8 |
| Số người đến thư viện công cộng (lượt người/năm) | 0,15 | 0,2 |
| Tỷ lệ xã, phường thị trấn có tủ sách pháp luật trong bưu điện văn hóa xã | 90% | 100% |
| Tỷ lệ huyện, thị xã có Thư viện cấp huyện | 80% | 100% |

3.2. Đời sống văn hóa ở cơ sở

| Nội dung | Thực hiện đến năm | |
|---|-------------------|------|
| | 2015 | 2020 |
| Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa hàng năm | 85% | 90% |
| Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa (3 năm trở lên) | 65% | 70% |
| Tỷ lệ hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số được tiếp cận hưởng thụ, trưng bày sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, thông tin tuyên truyền | 20% | 30% |
| Tỷ lệ hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số chỉ tiêu cho văn hóa, thông tin bình quân thu nhập trong năm | 3% | 4% |

3.3. Hệ thống thiết chế sự nghiệp văn hóa nghệ thuật trực thuộc ngành Văn hóa quản lý

| TT | Nội dung | Thực hiện đến năm | |
|----|--|-------------------|------------|
| | | 2015 | 2020 |
| 1 | Trung tâm Văn hóa tỉnh | Đầu tư mới | Xếp hạng 1 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện | 100% | 100% |
| 3 | Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã (Nhà văn hóa) | 100% | 100% |
| 4 | Nhà văn hóa cộng đồng làng, buôn | 40% | 60% |
| 5 | Đội văn nghệ quần chúng (số xã, phường trong tỉnh) | 80% | 100% |
| 6 | Điểm vui chơi giải trí của trẻ em (số xã, phường trong tỉnh) | 50% | 70% |

| TT | Nội dung | Thực hiện đến năm | |
|----|---|-------------------|------------|
| | | 2015 | 2020 |
| 7 | Công viên văn hóa, du lịch (số công viên hiện có) | Hoàn thiện | Xếp hạng 1 |
| 8 | Di tích khảo cổ, lịch sử, danh thắng (Năm Nung, ngục Đăk Mil, thác nước Trinh Nữ, Dray Sáp, Liêng Nung) | Tôn tạo | Hoàn thiện |

3.4. Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật

| TT | Nội dung | Thực hiện đến năm | |
|----|--|-------------------|------|
| | | 2015 | 2020 |
| 1 | Cán bộ cấp tỉnh có trình độ Đại học, trên đại học | 80% | 100% |
| 2 | Cán bộ cấp huyện có trình độ Đại học, trên đại học | 60% | 70% |
| 3 | Cán bộ cấp xã có trình độ Trung học, Cao đẳng | 50% | 70% |

4. Phương án quy hoạch

4.1. Quy hoạch phát triển những loại hình nghiệp vụ và thiết chế sự nghiệp văn hóa nghệ thuật

a) Công tác quản lý sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật đến năm 2015

- Cụ thể hóa các văn bản và tăng cường công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, biểu diễn, dịch vụ văn hóa, quảng cáo, lĩnh vực bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ, quản lý bảo hộ quyền tác giả, dịch vụ văn hóa.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa, nghệ thuật từ cấp tỉnh đến cơ sở, yếu tố tiền đề tạo nên giá trị văn hóa và nội dung quan trọng trong công tác tổ chức quản lý ngành văn hóa nghệ thuật giai đoạn phát triển những năm đầu thế kỷ XXI.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ Đội thông tin lưu động, trang bị phương tiện chuyên dùng đảm bảo hoạt động của đội đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước xây dựng tổ chức Phòng truyền thống ở các huyện, phát huy hiệu quả công tác bảo tàng truyền thống và định hướng xây dựng bảo tàng ở cấp huyện.

- Xây dựng, tổ chức hoạt động một thiết chế văn hóa tổng hợp, đa năng với nhiều loại hình nghiệp vụ, tuyên truyền, văn hóa tinh thần văn hóa thể chất phù hợp với cấp huyện hiện nay.

b) Phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tổ chức thường xuyên liên hoan, hội diễn, nghệ thuật ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc. Chú trọng tổ chức ngày hội văn hóa, hội thi văn nghệ quần chúng đặc biệt là liên hoan nghệ thuật dân gian dân tộc bản địa, diễn tấu công chiêng

trong lễ hội, trình diễn trang phục dân tộc, diễn xướng sử thi, khuyến khích các đội văn nghệ quần chúng tổ chức chương trình văn hóa, văn nghệ phục vụ nhân dân tại địa phương, đồng thời tạo điều kiện thích hợp giúp đội phát huy thế mạnh, tự tổ chức thành các đội văn nghệ quần chúng, hoạt động theo phương thức tự thu, chi duy trì hoạt động.

- Suu tầm, ghi chép, truyền dạy công chiêng cho thế hệ trẻ nhằm bảo tồn công chiêng cùng với các lễ hội của dân tộc bản địa. Phân đầu đến năm 2020 tạo ra một bước cơ bản trong công việc suu tầm, khai thác vốn văn nghệ dân gian dân tộc tiềm ẩn trong đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, in ấn, xuất bản, lưu giữ trở thành tài sản văn hóa vật chất của tỉnh.

- Hiện đại hóa thiết bị âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật phương tiện chuyên ngành.

- Xây dựng đội văn nghệ mạnh ở cấp huyện, cơ quan, công - nông trường xí nghiệp, hoạt động theo phương thức xã hội hóa, ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Triển khai hoàn thành dự án bảo tồn 02 bon dân tộc M'Nông - Mạ.

c) Suu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; Bảo tàng, Nhà truyền thống.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm, làm biến dạng môi trường cảnh quan, mất cấp cổ vật; tạo môi trường văn hóa lành mạnh tại các Di tích. Thực hiện và hoàn thành kế hoạch kiểm kê khoa học các Di tích trên địa bàn tỉnh; trùng tu, tôn tạo các Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn Di tích, tạo cơ chế huy động các nguồn lực cho việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giới thiệu di sản văn hóa.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, điều tra, suu tầm, đặc biệt là công tác suu tầm văn hóa dân tộc. Khuyến khích các hoạt động bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể.

- Xây dựng các đề án bảo tồn, phát huy văn hóa vật thể và phi vật thể, nhất là những hiện vật của 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, quay thành băng đĩa phim, ảnh, in sách để lưu trữ, bảo quản và sử dụng sau này.

- Đến năm 2015, chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục đầu tư nghiên cứu suu tầm, quản lý và phát huy vốn di sản văn hóa phi vật thể dân tộc gốc Tây Nguyên nói chung và Đăk Nông nói riêng.

- Bảo tàng tỉnh: Tổ chức trưng bày hiện vật tại chỗ và lưu động phục vụ nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng, hoàn thành công trình Bảo tàng tỉnh; thường xuyên tiến hành suu tầm bổ sung tài liệu, hiện vật về đặc trưng văn hóa địa phương; tiếp tục tổ chức tốt công tác trưng bày, giới thiệu các hiện vật, tài liệu phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh.

- Nhà truyền thống huyện, thị xã: Tiếp tục nâng cấp những nhà truyền thống đã có, xây dựng mới ở huyện chưa có và tổ chức nội dung hoạt động nhà truyền thống cấp huyện, thị xã.

- Lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắk Nông tiếp tục được bảo tồn và phát triển những lễ hội tiêu biểu, tiến bộ, thiết thực phục vụ nhu cầu văn hóa của nhân dân trong thời kỳ phát triển.

- Triển khai hoạt động và thiết kế xây dựng hoàn chỉnh dự án xây dựng Làng văn hóa dân tộc, khu vui chơi lễ hội, tạo dựng điểm văn hóa du lịch, đa dạng, phong phú, hấp dẫn du khách đến với Đắk Nông.

- Khai thác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số: Tập trung đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, bảo tàng văn hóa dân tộc; bảo tồn phong tục tập quán, lễ hội, trang phục, khôi phục làng nghề truyền thống; khôi phục và phát huy di tích, di chỉ khảo cổ. Khuyến khích, động viên đồng bào dân tộc thiểu số mặc trang phục dân tộc trong những ngày lễ, tết, hội truyền thống và lễ hội lịch sử, cách mạng, cuộc liên hoan, hội thi mừng công, tổng kết, đón nhận danh hiệu, thành tích khen thưởng của ngành, đơn vị.

- Giáo dục truyền thống cách mạng: Tổ chức thông tin tuyên truyền lưu động theo chủ đề lịch sử, cách mạng. Tổ chức tham quan, trưng bày hiện vật bảo tàng, di tích lịch sử cách mạng. Khuyến khích nhân dân tham gia và tổ chức cuộc thi tìm hiểu về những ngày lễ lớn kỷ niệm sự kiện trọng đại của đất nước. Tổ chức nói chuyện chuyên đề lịch sử trong trường học, sinh hoạt đoàn, đội và trong mỗi nhóm xã hội ở đơn vị cơ sở.

d) Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở

Xây dựng nếp sống văn hóa ở cơ sở thể hiện trong nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội làm cho văn hóa thấm sâu vào từng cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội, góp phần thúc đẩy cùng cố, xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở.

Xây dựng thôn, bon, buôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa.

e) Bổ sung nguồn nhân lực phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật

Cấp tỉnh: Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và thực hành nghiệp vụ, đến năm 2015 có 80% cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ có trình độ trung cấp chính trị, trình độ đại học, trên đại học chuyên ngành nghiệp vụ văn hóa - thông tin, nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn.

Cấp huyện: Nâng cao trình độ chính trị và thực hành chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý và công chức trong ngành văn hóa nghệ thuật, đến năm 2015 có 60% công chức đạt trình độ đại học, đến năm 2020 có 70% công chức đạt trình độ đại học, trên đại học. Yêu cầu tác nghiệp văn hóa nghệ thuật ở cấp huyện "miệng nói tay làm", quan tâm bồi dưỡng đào tạo cán bộ thực hành nghiệp vụ văn hóa, nghệ thuật có hiệu quả.

Cấp xã: Đến năm 2015 có 40% cán bộ đạt trình độ trung cấp, cao đẳng thực hành nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật, đến năm 2020 có 70% cán bộ đạt trình độ trung cấp, cao đẳng thực hành nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật ở cơ sở.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hạt nhân phong trào văn hóa nghệ thuật ở cơ sở, tuyển chọn đối tượng có năng khiếu nghệ thuật, tuyên truyền, kẻ vẽ... làm nòng cốt thực hiện phương thức xã hội hóa hoạt động văn hóa nghệ thuật ở cơ sở. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ người dân tộc thiểu số phục vụ thiết thực công tác tuyên truyền bằng tiếng dân tộc.

Xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo và đào tạo lại cán bộ theo từng cấp, từng bộ phận nghiệp vụ chuyên môn, có chủ trương chính sách về tuyển chọn đội ngũ cán bộ kế cận, đào tạo và sử dụng theo chương trình phân kỳ thực hiện trong nội dung quy hoạch; biên soạn giáo trình bồi dưỡng đào tạo nội dung thiết thực với cơ sở và vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ công tác bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn nghiệp vụ văn hóa - thông tin của tỉnh.

f) Xã hội hóa sự nghiệp văn hóa nghệ thuật

Xã hội hóa hoạt động văn hóa nhằm vào mục tiêu phát huy nguồn trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, tạo điều kiện cho toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc được hưởng thụ văn hóa. Triển khai nội dung xã hội hóa văn hóa bao gồm:

- Thành phần kinh tế trong xã hội tham gia bằng mọi hình thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đóng góp kinh phí tu bổ, tôn tạo di tích, phối hợp trưng bày, phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống, làng nghề thủ công truyền thống; khuyến khích thành lập đơn vị nghệ thuật tập thể, tư nhân và gia đình.

- Khuyến khích tổ chức, tập thể, cá nhân đóng góp, tài trợ kinh phí, lập quỹ đầu tư hoạt động văn hóa, sáng tạo văn hóa và công trình văn hóa nghệ thuật, đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí.

- Khuyến khích các nghệ nhân có uy tín tổ chức truyền nghề, dạy nghề.

- Khuyến khích tập thể, tư nhân liên doanh, liên kết xây dựng các rạp hát, rạp chiếu bóng, khu danh lam thắng cảnh, khu vui chơi giải trí.

Về chính sách hỗ trợ xã hội hóa: Thực hiện theo Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định chính sách khuyến khích xã hội đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

g) Hợp tác trong nước và Quốc tế

Hợp tác trong nước và Quốc tế là mục tiêu quan trọng nhằm phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trước mắt cũng như lâu dài. Đây mạnh hợp tác bao gồm một số hoạt động chủ yếu:

- Hợp tác, cử cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, tuyên truyền văn hóa, sản xuất chương trình truyền hình học tập dài hạn, chuyên đề, tham khảo kinh nghiệm tại các tỉnh bạn và nước ngoài.

- Tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, nguồn vốn ODA, vốn tài trợ của tổ chức phi chính phủ, phát triển các hoạt động trong lĩnh vực: điện ảnh, truyền

hình, khảo cổ, bảo tồn, bảo tàng, tổ chức lễ hội văn hóa truyền thống, phổ biến tri thức, kiến thức mới, hiện đại trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước đến mỗi người dân trong tỉnh.

- Xúc tiến hoạt động giao lưu văn hóa trong khu vực và quốc tế, nhất là giao lưu biểu diễn nghệ thuật trao đổi kinh nghiệm với tỉnh Mondulkiri - Vương quốc Campuchia. Đầu tư xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật của Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông nhằm tạo điều kiện giao lưu, giới thiệu, biểu diễn ở trong nước và nước ngoài.

4.2. Quy hoạch đất phục vụ phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

| TT | Tên thiết chế | SL | D.tích (m ²) | Tổng D.tích (m ²) | Địa điểm xây dựng |
|------------|---|----|--------------------------|-------------------------------|--|
| I | Cấp tỉnh | | | | |
| 1 | Trung tâm Văn hóa | 1 | 35.000 | 35.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 2 | Đoàn ca múa nhạc dân tộc | 1 | 15.000 | 15.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 3 | Công viên Liêng Nung | 1 | 840.000 | 840.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 4 | Cụm tượng đài N'Trang Long và Bảo tàng tỉnh | 1 | 59.000 | 59.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 5 | Thư viện tỉnh | 1 | 30.000 | 30.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 6 | Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng | 1 | 30.000 | 30.000 | Tx Gia Nghĩa |
| 7 | Biển panô | 27 | 40 | 1.080 | Các tuyến, điểm đông dân cư qua lại trong tỉnh |
| II | Cấp huyện | | | | |
| 1 | Trung tâm Văn hóa, thể thao | 4 | 25.000 | 100.000 | Trung tâm các huyện: Tuy Đức, Đắk Glong, Cư Jút, Đắk R'Lấp |
| 2 | Nhà truyền thống | 7 | 400 | 2.800 | Trung tâm huyện, thị xã |
| 3 | Thư viện sách - Internet | 6 | 400 | 2.400 | Trung tâm các huyện: Tuy Đức, Đắk Glong, Cư Jút, Đắk R'Lấp, Đắk Song, Krông Nô |
| 4 | Công viên, hoa viên | 8 | 3.000 | 24.000 | Trung tâm các huyện, thị xã |
| 5 | Biển bảng panô | 72 | 30 | 2.160 | Cụm đông dân cư các huyện, thị xã |
| III | Cấp xã, phường, thôn, bon | | | | |
| 1 | Nhà văn hóa, thể thao | 24 | 2.500 | 60.000 | Trung tâm của 71 xã |

| TT | Tên thiết chế | SL | D.tích (m ²) | Tổng D.tích (m ²) | Địa điểm xây dựng |
|------------------|------------------------------------|-----|--------------------------|-------------------------------|--|
| 2 | Nhà văn hóa bon | 21 | 300 | 6.300 | Các bon dân tộc thiểu số tại chỗ chưa có nhà |
| 3 | Nhà văn hóa thôn | 336 | 400 | 134.400 | Các thôn, tổ dân phố chưa có nhà văn hóa |
| 4 | Bảng panô tuyên truyền ở thôn, bon | 308 | 20 | 6.160 | Khu dân cư 770 thôn, bon |
| IV | Thiết chế xã hội hóa | | | | |
| 1 | Khu vui chơi giải trí ca nhạc | 16 | 3.000 | 160.000 | T.tâm các huyện, thị xã |
| 2 | Cửa hàng Karaoke | 150 | 300 | 45.000 | nt |
| 3 | Cửa hàng băng - đĩa hình | 100 | 300 | 30.000 | nt |
| 4 | Vũ trường | 2 | 300 | 600 | T.tâm Tx Gia Nghĩa |
| 5 | Quảng cáo thương mại | 8 | 300 | 2.400 | nt |
| 6 | Cửa hàng nhiếp ảnh - quay phim | 24 | 300 | 7.200 | nt |
| 7 | Ảnh màu điện tử | 2 | 300 | 600 | nt |
| 8 | Đội văn nghệ dân gian | 40 | 300 | 12.000 | nt |
| 9 | Đoàn nghệ thuật | 2 | 300 | 600 | Tx Gia Nghĩa và Cư Jút |
| Tổng cộng | | | | 1.606.700 | |

* Quy hoạch đất tại các huyện, thị xã:

ĐVT: ha

| TT | Đơn vị | Tổng nhu cầu đất | Trong đó chia ra | |
|------------------|------------------|------------------|----------------------------|-----------------------|
| | | | Công trình Nhà nước đầu tư | Công trình xã hội hóa |
| 1 | Thị xã Gia Nghĩa | 106,139 | 102,579 | 3,56 |
| 2 | Huyện Đắk Mil | 9,233 | 5,943 | 3,29 |
| 3 | Huyện Đắk Song | 6,635 | 3,645 | 2,99 |
| 4 | Huyện Đắk R'Lấp | 8,275 | 5,015 | 3,26 |
| 5 | Huyện Đắk Glong | 7,549 | 4,499 | 3,05 |
| 6 | Huyện Cư Jút | 9,291 | 5,851 | 3,44 |
| 7 | Huyện Krông Nô | 5,803 | 2,633 | 3,17 |
| 8 | Huyện Tuy Đức | 7,745 | 4,665 | 3,08 |
| Toàn tỉnh | | 160,67 | 134,83 | 25,84 |

5. Quy mô đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá nghệ thuật cơ sở

5.1. Cấp tỉnh:

5.1.1. Trung tâm Văn hóa

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện bản sắc dân tộc vùng Nam Tây Nguyên, Đắk Nông. Giá trị đầu tư: 80 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Khu biểu diễn nghệ thuật từ 1.200 đến 1.500 chỗ ngồi, phục vụ nhiều hoạt động đông người khác.

- Chức năng hoạt động nghiệp vụ:

+ Khu làm việc;

+ Học tập các lớp nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ;

+ Tổ chức các loại hình nghiệp vụ thông tin - triển lãm - hội chợ;

+ Phòng đọc sách báo, tạp chí;

+ Khu vực vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất;

+ Khu vực cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;

+ Khu vực dịch vụ văn hóa...

Trang bị đồng bộ phương tiện chuyên dùng của Trung tâm tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật chất lượng, hiện đại, hiệu quả.

Diện tích đất quy hoạch 35.000m². Địa điểm xây dựng triển khai hoạt động, hoàn chỉnh đến năm 2015, tại Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5.1.2. Bảo tàng

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện đậm đà bản sắc dân tộc vùng Nam Tây Nguyên, Đắk Nông. Giá trị đầu tư: 60 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Nhà trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật bảo tàng;

- Hệ thống phòng làm việc và kho bảo quản hiện vật;

- Khu trưng bày hiện vật ngoài trời và hoa viên;

- Khu vực dịch vụ văn hóa;

- Trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ trong thực hành nhiệm vụ.

Diện tích đất quy hoạch 59.000m². Địa điểm xây dựng triển khai hoạt động, hoàn chỉnh 2015- 2020, tại Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5.1.3. Thư viện

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện đậm đà bản sắc dân tộc vùng Nam Tây Nguyên, Đắk Nông. Giá trị đầu tư: 50 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Nhà trưng bày, giới thiệu tài liệu và đọc sách;
- Hệ thống phòng làm việc và kho bảo quản sách, báo, tài liệu;
- Phòng thư viện điện tử;
- Khu hoa viên cây xanh;
- Khu vực dịch vụ văn hóa;
- Trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ trong thực hành nhiệm vụ.

Diện tích đất quy hoạch 30.000m². Địa điểm xây dựng triển khai hoạt động, hoàn chỉnh 2015 - 2020, tại Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5.1.4. Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện đậm đà bản sắc dân tộc vùng Nam Tây Nguyên, Đắk Nông. Giá trị đầu tư: 40 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng in, sang băng, đĩa hình và lồng tiếng dân tộc;
- Rạp chiếu phim;
- Hệ thống các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật;
- Hệ thống trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ trong thực hành nhiệm vụ.

Diện tích đất quy hoạch 30.000m². Địa điểm xây dựng triển khai hoạt động, hoàn chỉnh 2015 - 2020, tại Trung tâm của thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5.1.5. Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện đậm đà bản sắc dân tộc vùng Nam Tây Nguyên. Giá trị đầu tư: 45 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Hệ thống phòng tập luyện và chạy chương trình biểu diễn nghệ thuật;
- Hệ thống phòng làm việc, nhà ở tập thể cho cán bộ, diễn viên;
- Hệ thống các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và hoa viên;
- Hệ thống trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ trong thực hành nhiệm vụ.

Diện tích đất quy hoạch 15.000 m². Địa điểm xây dựng triển khai hoạt động, hoàn chỉnh 2012 - 2015, tại Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5.1.6. Tượng đài N'Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên:

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, thiết kế kiến trúc xây dựng thể hiện tính lịch sử của các dân tộc tỉnh Đắk Nông. Giá trị đầu tư: 50 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Cụm tượng đài;
- Đài phun nước, hoa viên...

Địa điểm xây dựng tại Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông, trong khuôn viên Bảo tàng tỉnh (5,9ha); hoàn chỉnh trong giai đoạn 2012 -2015.

5.1.7. Công viên văn hóa Liêng Nung:

Quần thể kiến trúc công trình: Công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Đắk Nông, gồm các hạng mục:

- Vườn hoa, cây xanh;
- Khu vui chơi giải trí dành cho thanh - thiếu nhi;
- Khu dịch vụ văn hóa - du lịch.

Diện tích đất quy hoạch: 84ha. Địa điểm xây dựng: xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa. Tổng mức đầu tư 25 tỷ đồng (phần hạ tầng kỹ thuật, điện, nước). Hoàn chỉnh trong giai đoạn 2012 - 2015.

5.1.8. Bảng biến panô:

Diện tích đất quy hoạch: $40\text{m}^2/\text{panô} \times 27 \text{ panô} = 1.080\text{m}^2$.

Tổng giá trị đầu tư: 1,155 tỷ đồng.

Địa điểm xây dựng: tuyến Quốc lộ 14 và 28.

5.2. Cấp huyện, thị xã

5.2.1. Trung tâm Văn hóa, thể thao cấp huyện, thị xã

Quần thể kiến trúc, cơ sở vật chất, tài chính: Công trình văn hóa tiêu biểu của huyện trong kiến trúc xây dựng. Giá trị tổng thể cơ sở vật chất kỹ thuật và phương tiện chuyên dùng: 30 tỷ đến 40 tỷ đồng, gồm các hạng mục:

- Hội trường đa năng từ 800 đến 1.000 chỗ ngồi, dùng hội họp, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao, nói chuyện chuyên đề, thời sự khoa học kỹ thuật, chiếu phim phục vụ nhiều đối tượng quần chúng.

- Chức năng hoạt động nghiệp vụ:

- + Lãnh đạo Trung tâm;
- + Phòng Hành chính Tổng hợp;
- + Đội tuyên truyền lưu động;
- + Học tập các lớp năng khiếu, bồi dưỡng nghiệp vụ;
- + Tổ chức các loại hình nghiệp vụ thông tin - triển lãm - hội chợ;
- + Phòng đọc sách báo, tạp chí;
- + Khu vực vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất;
- + Khu vực cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- + Khu vực dịch vụ văn hóa.

Trang bị đồng bộ phương tiện kỹ thuật chuyên dùng của Trung tâm Văn hóa
- Thông tin cấp huyện, thị xã hiện đại, chất lượng, hiệu quả.

Địa điểm xây dựng: được xây dựng tại trung tâm các huyện Tuy Đức, Đắk Glong, Cư Jút, Đắk R'Lấp.

Diện tích đất quy hoạch: $25.000\text{m}^2/\text{trung tâm} \times 04 \text{ trung tâm} = 100.000\text{m}^2$

Tổng vốn đầu tư: 140 tỷ đồng.

Giai đoạn 2012-2015 xây dựng mới 02 Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Tuy Đức, Đắk Glong; đến năm 2020 nâng cấp hoặc xây dựng mới 02 Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Đắk R'Lấp, Cư Jút.

5.2.2. Nhà truyền thống:

Quy mô: 2.000 hiện vật trưng bày.

Diện tích sử dụng: $400\text{m}^2/\text{nàh} \times 7 \text{ nàh} = 28.000\text{m}^2$.

Tổng giá trị đầu tư: 7 tỷ đồng.

Địa điểm xây dựng: Trung tâm các huyện và thị xã (trừ Đắk Mil).

Đối với các huyện chưa xây dựng Trung tâm Văn hóa, thể thao thì sau này cần bố trí trong Trung tâm Văn hóa, thể thao.

5.2.3. Thư viện sách, internet:

Quy mô: phòng đọc 50 chỗ ngồi; kho sách có từ 10.000 đến 30.000 bản sách; phòng xử lý, phân loại sách; trang thiết bị phương tiện chuyên dùng đồng bộ với nhu cầu hoạt động của thư viện sách - internet.

Diện tích đất quy hoạch: $400\text{m}^2/\text{thư viện} \times 6 \text{ thư viện} = 24.000\text{m}^2$.

Tổng giá trị đầu tư: 6 tỷ đồng.

Địa điểm xây dựng: trung tâm các huyện Tuy Đức, Đắk Glong, Cư Jút, Đắk R'Lấp, Krông Nô.

Đối với các huyện chưa xây dựng Trung tâm Văn hóa, thể thao thì sau này cần bố trí trong Trung tâm Văn hóa, thể thao.

5.2.4. Hoa viên, công viên, quảng trường:

Quản thể kiến trúc công trình:

+ Vườn hoa, cây xanh.

+ Khu vui chơi giải trí dành cho thanh - thiếu nhi.

+ Khu dịch vụ văn hóa - du lịch

Diện tích đất quy hoạch: $3.000\text{m}^2/\text{công viên} \times 8 \text{ công viên} = 24.000\text{m}^2$.

Tổng giá trị đầu tư: 16 tỷ đồng

Địa điểm xây dựng: trung tâm các huyện và thị xã.

5.2.5. Bảng, biển panô:

Diện tích đất quy hoạch: $30\text{m}^2/\text{panô} \times 72 \text{ panô} = 2.160\text{m}^2$.

Tổng giá trị đầu tư: 2,395 tỷ đồng.

Địa điểm xây dựng: cụm đông dân cư các huyện và thị xã.

5.3. Cấp xã, phường, thôn, bon:

5.3.1. Nhà Văn hóa, thể thao cấp xã:

Quản thể kiến trúc xây dựng, cơ sở vật chất, tài chính: Công trình văn hóa tiêu biểu của xã, diện tích đất quy hoạch từ 2.500 m² trở lên. Xây dựng tại trung tâm xã thể hiện bản sắc kiến trúc dân tộc, gồm các hạng mục công trình:

- Hội trường đa năng từ 250 đến 300 chỗ ngồi, dùng hội họp, có sân khấu biểu diễn nghệ thuật, phục vụ nhiều đối tượng;

- Địa điểm làm việc của Ban văn hóa nghệ thuật xã, phường;

- Địa điểm tổ chức các loại hình nghiệp vụ, giáo dục truyền thống, thông tin - triển lãm;

- Phòng đọc sách báo, tạp chí;

- Khu cây xanh, vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất, tổ chức dịch vụ văn hóa.

Diện tích đất quy hoạch: 2.500m²/nhà x 24 nhà = 60.000m².

Tổng giá trị đầu tư: 51,2 tỷ đồng.

Địa điểm xây dựng: trung tâm xã, phường, thị trấn.

5.3.2. Nhà văn hóa bon:

- Kiến trúc xây dựng:

+ Hội trường đa năng từ 150 đến 200 chỗ ngồi, dùng hội họp sinh hoạt văn hóa, thể thao, biểu diễn văn nghệ.

+ Sân vui chơi và rèn luyện thể chất.

- Diện tích đất quy hoạch: 300m²/nhà x 21 nhà = 6.300m²

5.3.3. Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố:

- Kiến trúc xây dựng:

+ Hội trường đa năng từ 150 đến 200 chỗ ngồi, dùng hội họp sinh hoạt văn hóa, thể thao, biểu diễn văn nghệ.

+ Sân vui chơi và rèn luyện thể chất.

- Quy hoạch đất sử dụng: 400 m²/nhà x 336 nhà = 134.400m². Xây dựng khu trung tâm thôn, tổ dân phố.

- Quản lý và tổ chức hoạt động Nhà văn hóa: Đoàn thể quần chúng và nhân dân trong thôn, tổ dân phố tổ chức hoạt động theo phương thức xã hội hóa. Ngân sách Nhà nước đầu tư tài trợ một phần xây dựng cơ bản, trang thiết bị chuyên dùng.

5.3.4. Bảng, biển panô:

- Vị trí, chức năng: tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Diện tích đất quy hoạch: 20m²/panô x 308 panô = 6.160m².

- Tổng giá trị đầu tư: 1,694 tỷ đồng.

- Địa điểm xây dựng: cụm đông dân cư các xã, phường, thị trấn.

6. Tổng hợp nguồn vốn đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa đến năm 2020

6.1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên thiết chế | Số lượng | Quy mô đầu tư | Giá trị đầu tư | Tổng kinh phí | Ghi chú |
|------------------------------|--|----------|---|----------------|---------------|--------------------------------|
| A CẤP TỈNH | | | | | | |
| Đến năm 2015 | | | | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa | 1 | - Khối biểu diễn nghệ thuật - Khối nghiệp vụ năng khiếu văn hóa - Khối làm việc | 70.000 | 80.000 | Đầu tư tiếp tục để hoàn thành |
| 2 | Đoàn ca múa nhạc dân tộc | 1 | - Nhà luyện tập, biểu diễn - Khối làm việc | 30.000 | 45.000 | Đã có đất và dự toán thiết kế |
| 3 | Công viên văn hóa giải trí Liêng Nung | 1 | - Xây dựng quy hoạch; tiến hành đầu tư điện, nước, hạ tầng kỹ thuật - Kêu gọi đầu tư | 15.000 | 25.000 | Đang tiến hành lập quy hoạch |
| 4 | Tượng đài N°Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên | 1 | - Tượng, phù điêu - Hoa viên | 25.000 | 50.000 | |
| 5 | Bảng biển panô tuyên truyền | 12 | - Khâu hiệu chiến lược - Cổ động các ngày lễ, sự kiện chính trị - Diện tích 40m ² /panô | 40 | 480 | |
| Giai đoạn 2016 - 2020 | | | | | | |
| 1 | Bảo tàng tỉnh | 1 | - Khu trưng bày trong nhà và ngoài trời - Khối kho, phân loại kỹ thuật - Khối làm việc | 60.000 | 60.000 | Đã có chủ trương và có đất |
| 2 | Thư viện tỉnh | 1 | - Khối ban đọc - Kho sách, xử lý sách - Khối nghiệp vụ - Khu nhà làm việc | 35.000 | 50.000 | |
| 3 | Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng | 1 | - Khối chiếu phim - Khối làm việc và nghiệp vụ phát hành | 40.000 | 40.000 | |
| 4 | Biển panô | 15 | - Khâu hiệu chiến lược, diện tích 40m ² | 45 | 675 | |
| B CẤP HUYỆN | | | | | | |
| Đến năm 2015 | | | | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa, thể thao | 2 | - Hội trường hội nghị, biểu diễn nghệ thuật 450 chỗ - Khối nghiệp vụ - Phòng truyền thông - Phòng đọc sách | 30.000 | 60.000 | 2 huyện mới Tuy Đức, Đắk Glong |

| TT | Tên thiết chế | Số lượng | Quy mô đầu tư | Giá trị đầu tư | Tổng kinh phí | Ghi chú |
|------------------------------|---------------------------------|----------|--|----------------|---------------|--|
| 2 | Nhà truyền thống | 3 | - Trưng bày từ 200 hiện vật trở lên | 1.000 | 3.000 | Các huyện chưa có trong Trung tâm văn hóa, thể thao |
| 3 | Công viên, hoa viên | 3 | - Vườn hoa, sân luyện tập thể thao | 2.000 | 6.000 | Trung tâm huyện, thị |
| 4 | Biển bảng panô | 25 | - Khẩu hiệu chiến lược, cổ động trực quan (diện tích 30m ² /panô) | 30 | 750 | Xây dựng tại các điểm đông dân cư của huyện |
| Giai đoạn 2016 - 2020 | | | | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa, thể thao | 2 | - Hội trường hội nghị, biểu diễn nghệ thuật 450 chỗ - Khối nghiệp vụ - Phòng truyền thống - Phòng đọc sách | 40.000 | 80.000 | 2 huyện Đăk R'lấp và Cư Jút đã có nhà nhưng lạc hậu, hư hỏng |
| 2 | Nhà truyền thống | 4 | - Trưng bày từ 200 hiện vật trở lên | 1.000 | 4.000 | Các huyện chưa có trong Trung tâm văn hóa, thể thao |
| 3 | Thư viện sách - Internet | 6 | - Phòng đọc 50 chỗ ngồi (diện tích 80m ²) - Sách trên 10.000 bản - Hệ thống máy tính nối mạng Inetrnet | 1.000 | 6.000 | 06 huyện chưa có thư viện (thị xã Gia Nghĩa và huyện Cư Jút đã có) |
| 4 | Công viên, hoa viên | 5 | - Vườn hoa, sân luyện tập thể thao | 2.000 | 10.000 | Trung tâm huyện, thị |
| 5 | Biển bảng panô | 47 | - Khẩu hiệu chiến lược, cổ động trực quan (diện tích 30m ² /panô) | 35 | 1.645 | Xây dựng tại các điểm đông dân cư của huyện |
| C | CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN | | | | | |
| Đến năm 2015 | | | | | | |
| 1 | Nhà văn hóa, thể thao cấp xã | 8 | - Hội trường đa năng 200 chỗ ngồi - Phòng đọc sách báo - Phòng truyền thống - Trạm truyền thanh - Công trình phụ trợ: vườn hoa, sân chơi thể thao, công trình vệ sinh... | 2.000 | 16.000 | Theo tiêu chí nông thôn mới của tỉnh: mỗi huyện một xã, phường |
| 2 | Nhà văn hóa bon | 21 | - Hội trường 80 chỗ ngồi - Có sân khấu 25m ² - Sân tập thể thao - Khu vệ sinh | 250 | 5.250 | Các bon, buôn chưa có nhà văn hóa |

| TT | Tên thiết chế | Số lượng | Quy mô đầu tư | Giá trị đầu tư | Tổng kinh phí | Ghi chú |
|------------------------------|-------------------------------|----------|--|-------------------------|----------------|--|
| 3 | Nhà văn hóa thôn | 168 | - Hội trường 100 chỗ ngồi - Có sân khấu 25m ² - Sân tập thể thao - Khu vệ sinh | 300 (20% x 300 = 60) | 10.080 | - Nhà nước hỗ trợ 20% - Nhân dân đóng góp 80% |
| 4 | Panô tuyên truyền ở thôn, bon | 154 | - Khẩu hiệu chiến lược, cổ động trực quan (diện tích 6m ² /panô) | 5 | 770 | Mỗi xã xây dựng 2 bảng |
| Giai đoạn 2016 - 2020 | | | | | | |
| 1 | Nhà văn hóa, thể thao cấp xã | 16 | - Hội trường đa năng 200 chỗ ngồi - Phòng đọc sách báo - Phòng truyền thống - Trạm truyền thanh - Công trình phụ trợ: vườn hoa, sân chơi thể thao, công trình vệ sinh... | 2.200 | 35.200 | Tăng gấp đôi của giai đoạn 2012-2015 |
| 2 | Nhà văn hóa thôn | 168 | - Hội trường 100 chỗ ngồi - Có sân khấu 25m ² - Sân tập thể thao - Khu vệ sinh | 320 (20% x 320 = 64) | 10.752 | - Nhà nước hỗ trợ 20% - Nhân dân đóng góp 80% |
| 3 | Panô tuyên truyền ở thôn, bon | 154 | - Khẩu hiệu chiến lược, cổ động trực quan (diện tích 6m ² /panô) | 6 | 924 | Mỗi xã xây dựng 2 bảng |
| Tổng cộng: | | | | | 601.526 | |

(Bảng chữ: Sáu trăm linh một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu đồng)

Chia ra:

- Giai đoạn 2012 - 2015: **302.330 triệu đồng**

Trong đó nhu cầu: + Cấp tỉnh: 200.480 triệu đồng

+ Cấp huyện: 69.750 triệu đồng

+ Cấp xã: 32.100 triệu đồng

- Giai đoạn 2016 - 2020: **299.196 triệu đồng**

Trong đó nhu cầu: + Cấp tỉnh: 150.675 triệu đồng

+ Cấp huyện: 101.645 triệu đồng

+ Cấp xã: 46.876 triệu đồng

6.2. Nguồn vốn xã hội hóa:

DVT: Triệu đồng

| TT | Tên thiết chế | Số lượng | Giá trị đầu tư | Tổng kinh phí |
|----|---------------------------------------|----------|----------------|---------------|
| 1 | Khu vui chơi giải trí, ca nhạc | 16 | 3.000 | 48.000 |
| 2 | Các loại cửa hàng kinh doanh dịch vụ: | | | |

| TT | Tên thiết chế | Số lượng | Giá trị đầu tư | Tổng kinh phí |
|----|---|----------|----------------|----------------|
| | - Karaoke (có 3 phòng trở lên) | 150 | 90 | 13.500 |
| | - Băng, đĩa hình | 100 | 50 | 5.000 |
| | - Vũ trường | 2 | 200 | 400 |
| | - Quảng cáo | 8 | 10 | 80 |
| | - Nhiếp ảnh, quay phim | 24 | 10 | 240 |
| | - Ảnh màu điện tử | 2 | 2.000 | 4.000 |
| | - Tranh mỹ thuật | 8 | 50 | 400 |
| 3 | Đội văn nghệ dân gian (nhạc cụ, trang phục/đơn vị) | 40 | 30 | 1.200 |
| 4 | Đoàn nghệ thuật (đầu tư ban đầu thiết bị âm thanh, ánh sáng, phòng màn, xe) | 2 | 2.000 | 4.000 |
| 5 | Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố (nhân dân đóng góp 80%): | | | |
| | - Giai đoạn 2012-2015: (240 triệu đồng/nhà) | 168 | 300 | 40.320 |
| | - Giai đoạn 2016-2020: (256 triệu đồng/nhà) | 168 | 320 | 43.008 |
| | Tổng cộng: | | | 160.148 |

- Về quy mô: đối với Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố thì theo quy chuẩn xây dựng của nhà nước, các hạng mục còn lại do chủ đầu tư (người sử dụng) quyết định.

7. Những dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo hoàn thành nội dung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá nghệ thuật tỉnh Đắk Nông đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Xây dựng đề án, dự án:

- Dự án hỗ trợ, khuyến khích, sáng tạo tác phẩm nhiều loại hình nghệ thuật xuất sắc.

- Đề án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lễ hội - hoa văn - công chiêng và nhạc cụ dân gian các dân tộc tại chỗ tỉnh Đắk Nông.

- Dự án bảo tồn tìm kiếm khai thác di sản văn hóa dân tộc thiểu số bản địa (vật thể và phi vật thể): truyện kể, sử thi, dân ca, trang trí, kiến trúc...

- Dự án triển khai hoạt động và hoàn chỉnh làng văn hóa dân tộc tại trung tâm thị xã Gia Nghĩa, làng văn hóa du lịch của đồng bào M'Nông.

- Dự án bảo tồn kiến trúc nhà và sinh hoạt văn hóa gia đình ở bon, buôn dân tộc tại chỗ.

- Dự án khảo cổ di tích, tôn tạo điểm tham quan du lịch di tích lịch sử và sinh thái văn hóa Liêng Nung, Nậm Nung, Tà Đùng.

- Dự án khảo cổ di tích tôn tạo điểm tham quan du lịch, di tích lịch sử và thác Trinh nữ, thác Dray Sáp, thác Đắk Glun...

- Dự án tài trợ xây dựng điem vui chơi của trẻ em.
- Khu du lịch suối khoáng Đăk Mól, huyện Đăk Song.
- Dự án tài trợ xây dựng cải tạo Nhà văn hóa cộng đồng (dân tộc) ở làng buôn trong tỉnh Đăk Nông.
- Dự án xây dựng nâng cấp Trung tâm văn hóa thể thao - Nhà văn hóa xã, phường, thị trấn.
- Dự án bồi dưỡng đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật cấp tỉnh; cấp huyện, thị xã; cấp xã, phường, thị trấn.
- Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, sản phẩm văn hoá nghệ thuật, tiếp cận tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật.
- Các dự án thuộc thành phần xã hội hóa như: Hệ thống các trung tâm, câu lạc bộ, bảo tàng, nhà hát... Hệ thống các quán Bar, cà phê, karaoke, vũ trường, ca nhạc... Hệ thống các khu vui chơi giải trí và các loại hình hoạt động văn hóa khác...

8. Những giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp văn hoá nghệ thuật tỉnh Đăk Nông đến năm 2015 và định hướng 2020.

8.1. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể quần chúng và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc, vừa là động lực, vừa là mục tiêu và là nền tảng tinh thần của xã hội; thực hiện quy hoạch đồng hành với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

8.2. Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa nghệ thuật từ tỉnh đến đơn vị cơ sở. Hoàn thiện công tác thanh tra chuyên ngành, lập thanh tra kiểm tra liên ngành (814) đẩy mạnh các hoạt động thanh tra kiểm soát sản phẩm văn hóa nghệ thuật trên địa bàn toàn tỉnh.

8.3. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa nghệ thuật, huy động mọi nguồn lực trong xã hội; xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Cấp huyện, thị xã, cấp xã, phường chịu trách nhiệm chỉ đạo, vận động nhân dân đóng góp công sức và tài chính thực hiện phần việc của địa phương theo nội dung quy hoạch.

8.4. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ văn hóa từ tỉnh đến cấp cơ sở; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ văn hoá nghệ thuật ở cấp xã và cán bộ người dân tộc thiểu số bản địa.

Đào tạo cán bộ có trình độ trên đại học, xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm đăng ký với cơ quan chức năng để có chỉ tiêu đào tạo: Cấp tỉnh từ 3-4 người/năm; cấp huyện 01 người/huyện/năm. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ từ cấp tỉnh đến cơ sở được đưa vào kế hoạch đào tạo, tập huấn hàng năm do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì từ nguồn kinh phí sự nghiệp. Kết hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng và công tác tuyển dụng con người có trình độ năng khiếu hoạt động văn hóa, nghệ thuật và có trình độ đào tạo chính quy.

8.5. Giải pháp tiên hành quy hoạch đất đai:

Các cấp chính quyền phải có quan điểm và biện pháp dành quỹ đất để xây dựng thiết chế văn hóa.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định nhu cầu đất và vị trí đất cho xây dựng thiết chế văn hóa cấp tỉnh, lập quy hoạch đất kèm theo bản đồ trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thông báo đến nhân dân.

Trên cơ sở danh mục đầu tư các thiết chế văn hóa đến năm 2020, Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã chỉ đạo các Phòng chức năng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn lập quy hoạch và xác định nhu cầu đất, vị trí đất bố trí xây dựng thiết chế văn hóa để quy hoạch và trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho cấp huyện, xã, thôn, bon.

8.6. Giải pháp về vốn:

Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển văn hóa bao gồm các nguồn vốn đầu tư của Trung ương tập trung cho các chương trình mục tiêu, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh tập trung cho hoạt động sự nghiệp, các dự án xây dựng cơ bản kết hợp đẩy mạnh và huy động nguồn vốn xã hội hóa vào các công trình văn hóa.

Tập trung đầu tư phát triển các công trình văn hóa có tác động hiệu quả đến phát triển kinh tế, đặc biệt đối với phát triển ngành du lịch. Tập trung nguồn vốn đầu tư cả trung ương và tỉnh cho các công trình văn hóa trọng điểm có quy mô hoành tráng, có giá trị về kinh tế - xã hội, tạo ra những điểm nhấn trong không gian văn hóa, không gian kiến trúc của đô thị.

(Có Quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Công bố và phổ biến rộng rãi quy hoạch. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, các chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch. Nghiên cứu và đề xuất những chính sách, cơ chế, giải pháp, nâng cao năng lực quản lý nhà nước để triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch được phê duyệt.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch kịp thời khi không phù hợp.

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh.

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Lồng ghép nội dung quy hoạch phát triển văn hóa nghệ thuật của tỉnh trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cho phù hợp. Đầu tư

ngân sách để thực hiện các chỉ tiêu phát triển văn hóa trên địa bàn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *2*

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP: Nguyễn Viết Thuật;
- Lưu: VT, VHXX.

23

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn

Handwritten text at the top left of the page.

Handwritten text at the top right of the page.



Handwritten text below the stamp, possibly a title or a reference.